|  |  |
| --- | --- |
| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  VIỆT NAM  **CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *................., ngày.........tháng……. năm 2023* |

**PHIẾU KHẢO SÁT**

**Nâng cấp, thay thế**

**Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng**

*(Áp dụng cho các thành viên hệ thống TTĐTLNH)*

|  |  |
| --- | --- |
| **THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT** | |
| **Tên đơn vị** | *……………………………………………………………………………….* |
| **Địa chỉ** | *……………………………………………………………………………….* |
|  | |
| **CÁN BỘ CUNG CẤP THÔNG TIN** | |
| **Họ và tên** | *……………………………………………………………………………….* |
| **Chức vụ** | *……………………………………………………………………………….* |
| **Điện thoại** | *……………………………………………………………………………….* |
| **Email** | *……………………………………………………………………………….* |

**I. Thuật ngữ và viết tắt**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Thuật ngữ | Giải thích |
| 1 | NHNN | Ngân hàng Nhà nước. |
| 2 | TTĐTLNH | Thanh toán điện tử liên ngân hàng. |
| 3 | HV | High value – dịch vụ thanh toán giá trị cao. |
| 4 | LV | Low value – dịch vụ thanh toán giá trị thấp. |
| 5 | BP | Batch process – dịch vụ quyết toán trên tài khoản của các thành viên tại sổ cái của NHNN căn cứ vào bảng kê bù trừ nhận được từ tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ. |
| 6 | FC | Foreign Currency – dịch vụ thanh toán ngoại tệ, thực hiện quyết toán tức thời các lệnh chuyển tiền ngoại tệ (USD, EUR) trên tài khoản của các thành viên tại sổ cái của NHNN. |
| 7 | RTGS | Real time gross settlement – Quyết toán tổng tức thời. |
| 8 | DNS | Deferred net settlement – Quyết toán ròng theo phiên. |
| 9 | LSM | Liquidity Saving. Mechanisms - Cơ chế tiết kiệm thanh khoản, thực hiện bù trừ và quyết toán phần chênh lệch của nhiều lệnh thanh toán giá trị cao. |
| 10 | STP | Straight through processing – Thanh toán xuyên suốt, thực hiện chuyển tiền và ghi nợ/có tức thời vào tài khoản của khách hàng tại Thành viên. |
| 11 | DvP | Delivery versus payment - Thanh toán đối chuyển giao, thực hiện đồng thời cả thanh toán và chuyển giao hàng hóa. |
| 12 | PvP | Payment versus paymemt – Thanh toán đối thanh toán, thực hiện đồng thời hai giao dịch thanh toán với 02 loại tiền khác nhau. |

**II. Mục tiêu khảo sát**

Hệ thống TTĐTLNH được khai trương và đi vào hoạt động từ năm 2002 với sự trợ giúp của World Bank. Năm 2002, hệ thống TTĐTLNH chỉ hoạt động trên địa bàn Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh với hai dịch vụ chính là HV và LV. Năm 2008, hệ thống được mở rộng để hoạt động trên toàn quốc. Năm 2019, hệ thống được cải tiến để tập trung hóa và bổ sung thêm các dịch vụ BP và FC.

Hệ thống TTĐTLNH đang cung cấp 04 dịch vụ chính: (i) HV theo nguyên tắc RTGS kết hợp với hạn mức thấu chi; (ii) Thanh toán LV theo nguyên tắc DNS kết hợp với hạn mức nợ ròng; (iii) FC theo nguyên tắc RTGS; (iv) BP cho các lô bù trừ nhận được từ các đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán bù trừ. Ngoài ra hệ thống TTĐTLNH còn hỗ trợ thu ngân sách nhà nước và quyết toán tiền giao dịch trái phiếu chính phủ bằng các lệnh thanh toán giá trị cao có kèm theo thông tin thu ngân sách nhà nước và quyết toán giao dịch trái phiếu chính phủ.

Ngày nay, cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ và hoạt động kinh tế nhu cầu thanh toán không dùng tiền mặt tăng trưởng ngày càng cao cả về số lượng và tốc độ. Trong bối cảnh đó, các hệ thống thanh toán nói chung và hệ thống TTĐTLNH cần được thường xuyên nâng cấp, đổi mới cả về nghiệp vụ lẫn công nghệ. Để đáp ứng các nhu cầu mới và phát huy vai trò là hệ thống xương sống của hoạt động thanh toán, triển khai nhiệm vụ *Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH), hướng tới vận hành theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn quốc tế; tăng cường khả năng kết nối liên thông với hệ thống khác trong nền kinh tế* tại Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030[[1]](#footnote-1), Cục Công nghệ thông tin tổ chức lấy ý kiến về các dịch vụ, chức năng, tính năng cần có của hệ thống TTĐTLNH trong tương lai để triển khai thay thế hệ thống TTĐTLNH hiện tại. Cục Công nghệ thống tin dự kiến về các dịch vụ, chức năng, tính năng của hệ thống TTĐTLNH mới như sau:

- Dịch vụ thanh toán HV:

+ Mở rộng thời gian cung cấp dịch vụ ngoài giờ hành chính;

+ Nguyên tắc quyết toán RTGS kết hợp với hạn mức thấu chi và cơ chế LSM;

+ Hỗ trợ STP;

* Dịch vụ quyết toán trái phiếu chính phủ, quyết toán chứng khoán theo cơ chế DvP;
* Dịch vụ thanh toán LV:

+ Cung cấp dịch vụ 24/7/365;

+ Nguyên tắc quyết toán DNS kết hợp với hạn mức nợ ròng;

+ Hỗ trợ thanh toán STP;

* Dịch vụ FC: Cho phép thanh toán theo cơ chế cơ chế PvP giữa các loại ngoại tệ là USD, EUR và VND.
* Dịch vụ BP.

Cục CNTT xây dựng phiếu khảo sát này nhằm mục tiêu lấy ý kiến của các thành viên hệ thống TTĐTLNH về các dịch vụ, tính năng, chức năng, hiệu năng cần có của hệ thống TTĐTLNH trong giai đoạn tiếp theo.

**III. NỘI DUNG CHÍNH**

|  |  |
| --- | --- |
| Câu hỏi 1 | Quý Thành viên có sẵn sàng gửi và nhận giao dịch HV qua hệ thống TTĐTLNH ngoài giờ hành chính không? |
| Trả lời |  |
| Ghi chú | Giải thích cụ thể lý do sẵn sàng và không sẵn sàng. |
| Câu hỏi 2 | Quý Thành viên nhu cầu như thế nào về thời gian hoạt động của dịch vụ HV của hệ thống TTĐTLNH? |
| Trả lời | - Nhu cầu đối với ngày thường: Từ …..giờ….phút đến …..giờ…..phút  - Nhu cầu đối với 02 ngày cuối tuần: Từ …..giờ….phút đến …..giờ…..phút  - Nhu cầu đối với các ngày nghỉ lễ: Từ …..giờ….phút đến …..giờ…..phút |
| Ghi chú | Cung cấp thông tin cụ thể về nhu cầu đối với các ngày cuối tuần, nghỉ lễ và giờ hoạt động trong ngày đối với dịch vụ HV. |
| Câu hỏi 3 | Ngoài nguyên tắc quyết toán RTGS kết hợp với hạn mức thấu chi đang sử dụng cho từng lệnh thanh toán HV, Quý Thành viên có nhu cầu sử dụng cơ chế bù trừ LSM hoặc một cơ chế nào khác cho các lệnh thanh toán HV không? |
| Trả lời |  |
| Ghi chú | Cung cấp thông tin mô tả nhu cầu sử dụng cơ chế LSM cho lệnh thanh toán HV như mục tiêu, lý do, yêu cầu về tốc độ, thời gian, tần suất thực hiện bù trừ. |
| Câu hỏi 4 | Quý Thành viên có đồng ý với việc nâng cấp dịch vụ HV của hệ thống TTĐTLNH để xử lý tức thời, xuyên suốt đến khách hàng của Thành viên không (ghi có tức thời vào tài khoản khách hàng)? |
| Trả lời |  |
| Ghi chú | Giải thích cụ thể lý do đồng ý, không đồng ý. |
| Câu hỏi 5 | Cung cấp thông tin làm rõ về mức độ sẵn sàng của Quý Thành viên kết nối với dịch vụ HV của hệ thống TTĐTLNH để xử lý tức thời, xuyên suốt? |
| Trả lời | - Đã triển khai hệ thống giao dịch để có thể xử lý tức thời, xuyên suốt các giao dịch HV.  - Hệ thống giao dịch sẽ sẵn sàng để có thể xử lý tức thời, xuyên suốt các giao dịch HV.  - Hệ thống giao dịch không thể xử lý tức thời, xuyên suốt các giao dịch HV. |
| Ghi chú | Trình bày cụ thể về lý do của mức độ sẵn sàng. |
| Câu hỏi 6 | Số lượng lệnh thanh toán HV trong 05 năm tới Quý Thành viên có nhu cầu gửi thông qua hệ thống TTLNH? |
| Trả lời | * Số lượng giao dịch bình quân/ngày: * Số lượng giao dịch lớn nhất/ngày: |
| Ghi chú |  |
| Câu hỏi 7 | Quý Thành viên có đồng ý với việc nâng cấp dịch vụ Quyết toán tiền giao dịch trái phiếu Chính phủ của hệ thống TTĐTLNH thành dịch vụ thanh toán đối chuyển giao (DvP) không? |
| Trả lời |  |
| Ghi chú | Giải thích cụ thể lý do đồng ý, không đồng ý? |
| Câu hỏi 8 | Quý Thành viên có đề xuất sửa đổi, bổ sung chức năng, tính năng nào vào hệ thống phần mềm TTĐTLNH đối với dịch vụ HV không? |
| Trả lời |  |
| Ghi chú | Mô tả rõ các chức năng, tính năng cần bổ sung, sửa đổi. |
| Câu hỏi 9 | Quý Thành viên nhu cầu như thế nào về thời gian hoạt động của dịch vụ LV của hệ thống TTĐTLNH? |
| Trả lời | - Nhu cầu đối với ngày thường: Từ …..giờ….phút đến …..giờ…..phút  - Nhu cầu đối với 02 ngày cuối tuần: Từ …..giờ….phút đến …..giờ…..phút  - Nhu cầu đối với các ngày nghỉ lễ: Từ …..giờ….phút đến …..giờ…..phút |
| Ghi chú | Cung cấp thông tin cụ thể về nhu cầu đối với các ngày cuối tuần, nghỉ lễ và giờ hoạt động trong ngày đối với dịch vụ LV. |
| Câu hỏi 10 | Trường hợp dịch vụ LV của hệ thống TTĐTLNH được nâng cấp thành hoạt động 24/7/365 thì sẽ có khả năng một số lệnh thanh toán LV sẽ không được quyết toán cùng ngày với ngày Thành viên tạo lệnh thanh toán, điều này ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động của Quý Thành viên. |
| Trả lời |  |
| Ghi chú | Mô tả cụ thể về sự ảnh hưởng, tính khả thi và mức độ phù hợp với hoạt động của Thành viên. |
| Câu hỏi 11 | Quý Thành viên có đồng ý với việc nâng cấp dịch vụ LV của hệ thống TTĐTLNH để xử lý tức thời, xuyên suốt đến khách hàng của Thành viên không (ghi có tức thời vào tài khoản khách hàng)? |
| Trả lời |  |
| Ghi chú | Giải thích cụ thể lý do đồng ý, không đồng ý. |
| Câu hỏi 12 | Cung cấp thông tin làm rõ về mức độ sẵn sàng của Quý Thành viên kết nối với dịch vụ LV của hệ thống TTĐTLNH để xử lý tức thời, xuyên suốt? |
| Trả lời | - Đã triển khai hệ thống giao dịch để có thể xử lý tức thời, xuyên suốt các giao dịch LV.  - Hệ thống giao dịch sẽ sẵn sàng để có thể xử lý tức thời, xuyên suốt các giao dịch LV.  - Hệ thống giao dịch không thể xử lý tức thời, xuyên suốt các giao dịch LV. |
| Ghi chú | Trình bày cụ thể về lý do của mức độ sẵn sàng. |
| Câu hỏi 13 | Số lượng lệnh thanh toán LV trong 05 năm tới Quý Thành viên có nhu cầu gửi thông qua hệ thống TTLNH? |
| Trả lời | * Số lượng giao dịch bình quân/ngày: * Số lượng giao dịch lớn nhất/ngày: |
| Ghi chú |  |
| Câu hỏi 14 | Quý Thành viên có đề xuất sửa đổi, bổ sung vào hệ thống phần mềm TTĐTLNH chức năng, tính năng nào đối với dịch vụ LV không? |
| Trả lời |  |
| Ghi chú | Mô tả rõ các chức năng, tính năng cần bổ sung, sửa đổi. |
| Câu hỏi 15 | Quý Thành viên có nhu cầu nâng cấp dịch vụ FC của hệ thống TTĐTLNH thành dịch vụ thanh toán đối thanh toán không (PvP) không? |
| Trả lời |  |
| Ghi chú | Giải thích cụ thể lý do đồng ý, không đồng ý? |
| Câu hỏi 16 | Trong 05 năm tới Quý Thành viên có nhu cầu giao dịch các loại ngoại tệ nào trên hệ thống TTĐTLNH? Số lượng giao dịch đối với từng loại ngoại tệ như thế nào? |
| Trả lời |  |
| Ghi chú | Cung cấp thông tin về số lượng giao dịch bình quân và số lượng giao dịch lớn nhất/ngày đối với từng loại ngoại tệ. |
| Câu hỏi 17 | Quý Thành viên có đề xuất sửa đổi, bổ sung chức năng, tính năng nào đối với dịch vụ FC của hệ thống TTĐTLNH không? |
| Trả lời |  |
| Ghi chú | Mô tả rõ các chức năng, tính năng cần bổ sung, sửa đổi. |
| Câu hỏi 18 | Quý Thành viên có đề xuất sửa đổi, bổ sung chức năng, tính năng nào đối với dịch vụ BP của hệ thống TTĐTLNH không? |
| Trả lời |  |
| Ghi chú | Mô tả rõ các chức năng, tính năng cần bổ sung, sửa đổi. |
| Câu hỏi 19 | Quý Thành viên có đề xuất sửa đổi, bổ sung chức năng, tính năng nào cho các giao dịch thu ngân sách nhà nước qua hệ thống TTĐTLNH không? |
| Trả lời |  |
| Ghi chú | Mô tả rõ các chức năng, tính năng cần bổ sung, sửa đổi. |
| Câu hỏi 20 | Quý Thành viên có đề xuất sửa đổi, bổ sung chức năng, tính năng nào đối với cho hoạt động quyết toán tiền giao dịch trái phiếu chính phủ qua hệ thống TTĐTLNH không? |
| Trả lời |  |
| Ghi chú | Mô tả rõ các chức năng, tính năng cần bổ sung, sửa đổi. |
| Câu hỏi 21 | Hệ thống TTĐTLNH được đánh giá là cần được nâng cấp để áp dụng ISO 20022. Đề nghị Quý Thành viên cung cấp thông tin về các thay đổi đối với hoạt động nghiệp vụ, hệ thống thông tin của Quý Thành viên khi ISO 20022 được áp dụng trong hệ thống TTĐTLNH. |
| Trả lời |  |
| Ghi chú | Cung cấp thông tin mô tả về sự thay đổi của các hoạt động nghiệp vụ và hệ thống thông tin của Quý Thành viên khi ISO 20022 được áp dụng. |
| Câu hỏi 22 | Quý Thành viên cần bao nhiêu thời gian để sẵn sàng trao đổi dữ liệu với hệ thống TTĐTLNH theo chuẩn ISO 20022 kể từ khi NHNN ban hành đặc tả tin điện ISO 20022 cho Hệ thống TTĐTLNH? |
| Trả lời |  |
| Ghi chú | Mô tả rõ các hệ thống của Quý Thành viên đã áp dụng ISO 20022 chưa? Kế hoạch áp dụng ISO 20022 như thế nào? |
| Câu hỏi 23 | Đề nghị Quý Thành viên cung cấp thông tin về sự cần thiết triển khai áp dụng ISO 20022 cho hệ thống TTĐTLNH. |
| Trả lời |  |
| Ghi chú | Cung cấp thông tin về sự cần thiết, ưu điểm, nhược điểm, khó khăn khi áp dụng ISO 20022. |
| Câu hỏi 24 | Đề nghị Quý Thành viên đề xuất các tính năng, chức năng khác của hệ thống TTĐTLNH mà Quý Thành viên mong muốn. |
| Trả lời |  |
| Ghi chú | Cung cấp thông tin về sự cần thiết, ưu điểm, nhược điểm, khó khăn khi áp dụng ISO 20022. |

**Ý kiến khác**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cán bộ cung cấp thông tin**  *(Ký và ghi rõ họ, tên)* | *………….., Ngày ..... tháng .... năm 2023*  **Thủ trưởng cơ quan**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

1. Quyêt định 810/QĐ-NHNN ngày 11/5/2021 [↑](#footnote-ref-1)